

BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 12

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BÙI CÔNG TRÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		1.700
2	BÙI VĂN NGŨ	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
3	ĐÌNH GIAO KHẨU	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
4	ĐÔNG HÙNG THUẬN 02	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
5	HÀ HUY GIÁP	CẦU AN LỘC	NGÃ TƯ GA	5.500
		NGÃ TƯ GA	SÔNG SÀI GÒN	3.330
6	TRẦN THỊ BÂY	NGUYỄN THỊ BÚP	NGUYỄN ÁNH THỦ	3.000
7	NGUYỄN THỊ TRÀNG	NGUYỄN THỊ KIỀU	NGUYỄN ÁNH THỦ	3.200
8	NGUYỄN THỊ ĐẶNG	QUỐC LỘ 1	NGUYỄN ÁNH THỦ	3.200
9	HƯƠNG LỘ 80B	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
10	LÊ ĐỨC THỌ	CẦU TRƯỜNG ĐAI	NGÃ TƯ TÂN THỚI HIỆP	4.400
11	LÊ THỊ RIÊNG	QUỐC LỘ 1	THỚI AN 16	4.800
		THỚI AN 16	CUỐI ĐƯỜNG	3.750
12	LÊ VĂN KHƯƠNG	NGÃ TƯ TÂN THỚI HIỆP	CẦU DỪA	4.500
13	NGUYỄN ÁNH THỦ	LÊ VĂN KHƯƠNG	TÔ KÝ	5.000
		TÔ KÝ	QUỐC LỘ 22	7.000
14	NGUYỄN THÀNH VĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
15	NGUYỄN VĂN QUÁ	TRỌN ĐƯỜNG		5.750
16	PHAN VĂN HÓN	TRỌN ĐƯỜNG		7.400
17	QUỐC LỘ 1	GIÁP BÌNH TÂN	NGÃ TƯ GA	3.700
		NGÃ TƯ GA	CẦU BÌNH PHƯỚC	2.880
18	QUỐC LỘ 22	NGÃ TƯ AN SƯƠNG	NGÃ TƯ TRUNG CHÁNH	5.700
19	TÂN CHÁNH HIỆP 10	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
20	HUỲNH THỊ HAI (BAO GỒM TCH 13)	NGUYỄN ÁNH THỦ	DƯƠNG THỊ MƯỜI	3.400
21	TÂN CHÁNH HIỆP 33 (ĐƯỜNG ĐÔNG BẮC SAU PHẦN MỀM QUANG TRUNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
22	DƯƠNG THỊ MƯỜI	TÂN CHÁNH HIỆP 33 (ĐƯỜNG ĐÔNG BẮC SAU PHẦN MỀM QUANG TRUNG	NGUYỄN ÁNH THỦ	3.600
23	NGUYỄN THỊ CĂN	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
24	TÂN THỚI NHẤT 01	PHAN VĂN HÓN	QUỐC LỘ 1	3.400
25	TÂN THỚI NHẤT 02	TÂN THỚI NHẤT 01	TÂN THỚI NHẤT 05	3.000
26	TÂN THỚI NHẤT 06	PHAN VĂN HÓN	QUỐC LỘ 1	2.800
27	TÂN THỚI NHẤT 08	TÂN THỚI NHẤT 02	PHAN VĂN HÓN	3.600
		PHAN VĂN HÓN	RẠCH CẦU SA	3.600
28	NGUYỄN THỊ SÁU	HÀ HUY GIÁP	TRẠI CÁ SÁU HOA CÀ	2.000
29	THẠNH XUÂN 13	QUỐC LỘ 1	CÔNG GỖ SAO	1.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
30	NGUYỄN THỊ KIÊU	LÊ VĂN KHƯƠNG	LÊ THỊ RIÊNG	3.200
31	TÔ KÝ (TỈNH LỘ 15 CŨ)	CẦU CHỢ CẦU	QUỐC LỘ 1	6.250
32	TÔ KÝ	CẦU VƯỢT QUANG TRUNG	NGÃ 3 BÀU	4.700
33	TÔ NGỌC VÂN	CẦU BÈN PHÂN	QUỐC LỘ 1	2.750
		QUỐC LỘ 1	HÀ HUY GIÁP	2.500
34	TRUNG MỸ TÂY 13	TÔ KÝ	TUYẾN NƯỚC SẠCH	3.800
35	TRUNG MỸ TÂY 2A	QUỐC LỘ 22	TRƯỜNG QUÂN KHU 7	3.800
36	LÊ THỊ NHO	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
37	TRUNG MỸ TÂY 08	NGUYỄN ÁNH THỦ	NHÀ TƯỚNG NIỆM NGUYỄN AN NINH	3.400
38	TRƯỜNG CHÍNH	CẦU THAM LƯƠNG	NGÃ TƯ AN SƯƠNG	8.750
39	VƯỜN LÀI	QUỐC LỘ 1	BÈN ĐÒ AN PHÚ ĐÔNG	2.250
40	THẠNH LỘC 15	QUỐC LỘ 1	SÔNG SÀI GÒN	2.000
41	TÂN THỚI HIỆP 07	QUỐC LỘ 1	DƯƠNG THỊ MƯỜI	3.400
42	HÀ THỊ KHIÊM	QUỐC LỘ 1	CUỐI TUYẾN	2.900
43	HIỆP THÀNH 44	HIỆP THÀNH 06	NGUYỄN THỊ BÚP	2.400
44	TRẦN THỊ HÈ	NGUYỄN ÁNH THỦ	ĐƯỜNG BDH KHU PHỐ 4	2.400
45	ĐƯỜNG VÀO KHU TDC 1,3 HA	NGUYỄN ÁNH THỦ	HIỆP THÀNH 42 (BDH KHU PHỐ 4)	3.000
46	HÀ ĐẶC	TRUNG MỸ TÂY 13	NGUYỄN ÁNH THỦ	3.400
47	TÂN CHÁNH HIỆP 25	HUỖNH THỊ HAI	TÂN CHÁNH HIỆP 18	3.000
48	TÂN CHÁNH HIỆP 07	NGUYỄN ÁNH THỦ	TÂN CHÁNH HIỆP 03	3.000
49	TÂN CHÁNH HIỆP 03	TÂN CHÁNH HIỆP 07	NGUYỄN THỊ BÚP	3.000
50	TÂN CHÁNH HIỆP 18	TÔ KÝ	TÂN CHÁNH HIỆP 25	3.400
51	TÂN CHÁNH HIỆP 35	TÔ KÝ	TÂN CHÁNH HIỆP 34	3.400
52	TÂN CHÁNH HIỆP 34	TÂN CHÁNH HIỆP 35	TÂN CHÁNH HIỆP 36	3.000
53	TÂN CHÁNH HIỆP 36	TÂN CHÁNH HIỆP 34	TÂN CHÁNH HIỆP 33	3.000
54	TRẦN THỊ CỎ	LÊ VĂN KHƯƠNG	THỐI AN 05	3.000
55	THỐI AN 16	LÊ VĂN KHƯƠNG	CẦU SÁT SẬP	3.000
56	THỐI AN 13	LÊ VĂN KHƯƠNG	LÊ THỊ RIÊNG	3.000
57	TUYẾN SONG HÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
58	THẠNH LỘC 16	NHÁNH RỄ NGÃ TƯ GA	THỪA ĐẤT SỐ 162, TỔ 21	2.000
59	TÂN THỚI NHẤT 17	TRỌN ĐƯỜNG		3.200

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ